

Bản án số: 212/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2025
V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Xuân Mai và bà Dương Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mê Linh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Mai - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 117/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-HPT ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Sòi Thị T**, sinh năm 1999; có mặt.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Kiều Quang H**, sinh năm 1990; vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Sòi Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Kiều Quang H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/5/2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép gì. Cưới xong vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại N. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận trong thời gian ngắn, sau đó khoảng 4, 5 tháng sau thì thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân ngọt ngào, hay xảy ra to tiếng, cãi vã và cả xô xát với nhau; anh H nghiện cờ bạc, cứ đi chơi về là đe dọa và đánh đập tôi nhiều lần. Đến đầu năm 2025 thì vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc và sống ly thân từ đó cho đến nay, nay chị thấy không còn tình cảm với anh H và không có khả năng hàn gắn để vợ chồng về đoàn tụ chung sống cùng nhau, tình trạng vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên quyết định xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Bị đơn anh Kiều Quang H: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập lên Tòa làm việc nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành làm việc, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Việc triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định tại Điều 173, 174, 175 và Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của BLTTDS; tòa án thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình; việc xác minh thu thập chứng cứ đảm bảo đúng theo quy định pháp luật; tòa xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự đúng theo quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được thực hiện đúng theo quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc ra Quyết định xét xử và tổng đạt cho đương sự; gửi QĐXX và chuyển hồ sơ cho VKS đúng thời hạn; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt đã tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Sòi Thị T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Sòi Thị T được ly hôn với anh Kiều Quang Huy.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Sòi Thị T có đơn khởi kiện ly hôn với anh Kiều Quang H có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Kiều Quang H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ;

Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị T và anh Kiều Quang H đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Sơn La ngày 22/5/2020 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân từ khoảng đầu năm 2025 đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nay chị T thấy không còn tình cảm với anh H. Tòa án đã để cho hai vợ chồng có thời gian hòa giải; tuy nhiên tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi, anh H không hợp tác làm việc, cũng không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng, anh H đã từ bỏ các quyền của mình. Xét thấy, việc anh H không hợp tác để giải quyết việc ly hôn là nhằm mục đích kéo dài việc giải quyết vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cho chị T. Xét tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài việc chị T xin ly hôn anh H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là phù hợp để giải phóng cho các bên là cần thiết.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung; tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Sòi Thị T xin ly hôn anh Kiều Quang H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sòi Thị T được ly hôn với anh Kiều Quang H.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0056052 ngày 14/4/2025 của Chi cục hành án dân sự huyện M, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Định

